

Bản án số: 194/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-9-2018
V/v “tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Diễm**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Bình**
2. Bà **Đoàn Thị Thoa**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nhan Minh Hoàng** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bà T có mặt; ông Q vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 27/3/2018 và lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Do quen biết và có sự tìm hiểu nhau trước nên bà và ông Nguyễn Văn Q xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, ông Q có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm đến vợ con, ông Q thường xuyên chửi mắng đánh đập bà cuộc sống chung không hạnh phúc.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà T xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.
- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Thủy T, sinh ngày 27/12/2006 bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ngày 23/4/2018 Bà T có đơn xin rút yêu cầu giải quyết về con chung.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông Q vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản ý kiến trả lời.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Trần Thị T yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Q. Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.
- Bị đơn ông Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghịên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997. Trong thời gian chung sống bà T và ông Q không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Nay bà T xin ly hôn với ông Q, còn ông Q thì không có văn bản ý kiến trả lời. Căn cứ vào các điều 9, 14, 15, 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí Bà Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 14, 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Bà Trần Thị T không còn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Đình chỉ phân yêu cầu khởi kiện của bà T về vấn đề con chung.

3. Về tài sản chung: Không có

4. Về nợ chung: Không có

5. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo biên lai số 08405 ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, xem như bà T thi hành xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị T được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Ông Nguyễn Văn Q được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hoặc bản án được niên yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Diễm

